

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/DS-ST

Ngày: 05/5/2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Dương và bà Lê Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2025/TLST - DS ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-DS ngày 27/3/2026 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 14/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Trị.

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH C1; địa chỉ: Lô B, Khu công nghiệp B, phường L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang V, sinh năm 1990, số CCCD: 045090005027; địa chỉ: Khu phố E, phường Q, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 09/9/2025).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1987, số CCCD: 045087004818 và bà Nguyễn Thị Cẩm M, sinh năm 1990, số CCCD: 045190003290; cùng địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2025, bản trình bày ý kiến ngày 04/5/2026 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH C1 trình bày:

Ngày 14/12/2022, Công ty TNHH C1 (C1) ký kết Hợp đồng Mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 1000104448/HD-141222 với bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ. Tại Khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng quy định về việc thanh toán: "...*Bên mua có thể (i) thực hiện các khoản thanh toán tiền mặt cho Bộ phận được Cargill chỉ định; hoặc (ii) bằng cách chuyển khoản*

ngân hàng vào tài khoản ngân hàng tương ứng với địa điểm Giao hàng của Cargill trước khi nhận các Sản Phẩm cho Đơn Đặt Hàng...". Nhằm tạo điều kiện cho Bên mua, C chấp thuận cấp cho Bên mua hạn mức mua hàng trả chậm theo quy định tại Khoản 4.3 Điều 4 Hợp đồng: "a. Nội dung về hạn mức mua hàng trả chậm tối đa ("*Hạn Mức Tín Dụng*") bao gồm hạn mức được đảm bảo bằng các biện pháp bảo đảm nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này và thời hạn thanh toán cho Hạn Mức Tín Dụng ("*Thời Hạn Thanh Toán*") này sẽ được C thông báo cho Bên Mua tùy từng thời điểm ("*Thông Báo Hạn mức tín dụng và Thời hạn thanh toán*"); f. Tổng dư nợ của Bên Mua không được vượt quá Hạn Mức Tín Dụng hoặc Thời Hạn Thanh Toán; g. Bên mua đồng ý thanh toán cho C ngay lập tức khi bất kỳ khoản nợ nào vượt quá Hạn Mức Tín Dụng hoặc khi bất kỳ khoản nợ nào còn thiếu vượt quá Thời Hạn Thanh Toán."

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà M và ông Đ đã mua hàng của C và C đã xuất nhiều Hóa đơn nối tiếp nhau theo từng Đơn đặt hàng nối tiếp, việc thanh toán cũng diễn ra liên tục trong một thời gian dài, đan xen, gói đầu theo nhiều Hóa đơn, Đơn hàng khác nhau.

Theo Biên bản làm việc ngày 05/12/2023, bà M đại diện xác nhận còn nợ C số tiền là: 245.916.565 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười sáu nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng) và cam kết thanh toán hàng tháng. Thời gian qua, C đã rất nhiều lần đề nghị bà M, ông Đ phải thanh toán toàn bộ công nợ theo cam kết nêu trên, tuy nhiên đến nay hai ông bà có tình không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng.

Hành vi không thanh toán tiền mua hàng của bà M, ông Đ đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của C nên bà M, ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho C số tiền 245.916.565 đồng và tiền lãi phát sinh theo Điều 6 Hợp đồng quy định về phạt thanh toán chậm trễ: " 6.1 Không làm phương hại đến bất kỳ điều khoản nào khác của Hợp đồng này và bổ sung cho bất kỳ quyền nào mà C có thể có theo pháp luật, trong trường hợp bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình đối với C, theo như được quy định tại Điều 4.3, thì bên mua phải thanh toán tiền lãi áp dụng đối với các khoản nợ quá hạn cho khoảng thời gian chậm trễ, tính từ ngay kết thúc thời hạn thanh toán cho đến ngày thực thanh toán của khoản nợ, với mức phạt quá hạn được ghi tại Thông báo hạn mức tín dụng và Thời hạn thanh toán tại từng thời điểm...".

Do đó, nay Công ty TNHH C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà M, ông Đ thanh toán một lần cho Công ty TNHH C1 toàn bộ số tiền nợ gốc là: 245.916.565 đồng. Buộc bà M, ông Đ thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc cho C với lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 01/3/2024 đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả tiền cho C. Tính từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/5/2026 là: $245.916.565 \text{ đồng} \times 10\% \times 796 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 53.630.023 \text{ đồng}$. Tổng gốc và lãi là: 299.546.588 đồng (tiền gốc 245.916.565 đồng + tiền lãi 53.630.023 đồng).

Về phía bị đơn: bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà M không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Đối với, ông Đ có văn bản trình bày ý kiến ngày 10/02/2026 với nội dung như sau: “Vợ chồng chúng tôi có nợ Công ty TNHH C1 số tiền gốc là 245.916.565 đồng và tiền lãi mà Công ty đã đưa ra. Nhưng vì những năm qua dịch bệnh gây chết nhiều gia súc ảnh hưởng đến hoàn cảnh kinh tế của gia đình nên chậm trả khoản tiền cho Công ty. Nay chúng tôi xin Công ty xem xét phần tiền lãi cho vợ chồng chúng tôi và xin trả dần số tiền gốc cho Công ty.”

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm M phải trả cho Công ty TNHH C1 số tiền mua hàng còn nợ là 245.916.565 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/5/2026 là 53.630.023 đồng. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH C1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ thanh toán theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Bị đơn cư trú tại: thôn G, xã N, tỉnh Quảng Trị nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ nhưng bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Về tiền nợ mua hàng: Ngày 14/12/2022, bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ và Công ty TNHH C1 ký kết Hợp đồng Mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 1000104448/HD-141222. Đây là thỏa thuận mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty TNHH C1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận. Bị đơn là bà M và ông Đ đã nhận hàng nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Tại biên bản làm việc ngày 05/12/2023, giữa Công ty TNHH C1 và bà M đã đối chiếu và ký nhận công nợ số tiền còn nợ lại mà bà M và ông Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH C1 là 245.916.565 đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà M và ông Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng còn lại cho Công ty TNHH C1. Do đó, yêu cầu của Công ty TNHH C1 đề nghị Tòa án buộc bà M và ông Đ trả số tiền mua hàng còn nợ là 245.916.565 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Do vi phạm thỏa thuận về thanh toán, ngày 05/12/2023 Công ty TNHH C1 có thông báo cho bà M, ông Đ và đề nghị bà M, ông Đ trả một lần toàn bộ số tiền mua bột chưa trả là 245.916.565 đồng. Theo đó, bà M, ông Đ cam kết mỗi tháng trả dần 5.000.000 đồng kể từ tháng 2 năm 2024 nhưng bà M, ông Đ vẫn không thực hiện như cam kết. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH C1 yêu cầu bà M, ông Đ trả tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc còn lại 245.916.565 với mức lãi suất là 10%/năm từ ngày 01/3/2024 đến ngày 05/5/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 53.630.023 đồng (245.916.565 đồng x 10% x 796 ngày/365 ngày) là phù hợp quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể mức án phí bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu là: 299.546.588 đồng x 5% = 14.977.329 đồng (làm tròn số 14.977.000 đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C1.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ phải trả cho Công ty TNHH C1 tổng số tiền là 299.546.588 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi tám đồng*), trong đó số tiền mua hàng là 245.916.565 đồng, tiền lãi chậm trả là 53.630.023 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Cẩm M và ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 14.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số). Hoàn trả cho Công ty TNHH C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.116.000 đồng theo biên lai số 0001835 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án; Tổ HCTP.

Phan Đăng Khoa

